

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về ưu đãi đối với
hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định ưu đãi về vay vốn, miễn, giảm thuế đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan đến sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả là việc áp dụng các biện pháp, công nghệ để tuần hoàn, tái sử dụng nước, thu gom nước mưa, xử lý nước lợ, nước mặn thành nước ngọt để sử dụng hoặc để hạn chế lượng nước sử dụng cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống.

2. Sản phẩm tiết kiệm nước là sản phẩm, thiết bị, công nghệ tiêu thụ ít nước hơn so với định mức tiêu thụ nước trong các hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm

quyền quy định, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Tái sử dụng nước là hoạt động sử dụng lại nước thải đã được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp với mục đích sử dụng lại.

4. Sử dụng nước tuần hoàn là quá trình sử dụng lại nước cho chính mục đích đã được sử dụng ban đầu.

Điều 4. Nguyên tắc ưu đãi

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện nhiều hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả thuộc trường hợp được hưởng ưu đãi thì được hưởng ưu đãi tương ứng với các hoạt động đó theo quy định của Nghị định này.

2. Một hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nếu được hưởng các hình thức, mức ưu đãi khác nhau theo quy định của pháp luật thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được lựa chọn hình thức, mức ưu đãi có lợi nhất.

3. Không ưu đãi đối với hoạt động đầu tư thiết bị, công nghệ tiết kiệm nước lạc hậu.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Khai báo không trung thực, giả mạo hồ sơ, gian lận để được hưởng ưu đãi; sử dụng ưu đãi không đúng mục đích.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc thực hiện chính sách ưu đãi hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

3. Gây khó khăn, cản trở tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc được hưởng ưu đãi.

Chương II

ƯU ĐÃI VỀ VAY VỐN, MIỄN, GIẢM THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG NƯỚC TIẾT KIỆM, HIỆU QUẢ

Điều 6. Các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả được hưởng ưu đãi

1. Tái sử dụng nước, sử dụng nước tuần hoàn:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp hạng mục công trình để thu gom, xử lý nước thải có quy mô từ 40 m³/ngày đêm trở lên, đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước phù hợp với mục đích được tái sử dụng và sử dụng lượng nước đó cho các hoạt động của mình đạt từ 80% trở lên;

b) Tổ chức đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp, đầu tư chiều sâu hạng mục công trình để sử dụng nước tuần hoàn cho các hoạt động của mình với quy

mô từ 500 m³/ngày đêm trở lên, nhưng không bao gồm hoạt động sử dụng nước tuần hoàn để làm mát và các hình thức tuần hoàn khác theo quy trình, công nghệ sản xuất;

c) Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi đầu tư cải tạo nâng cấp, sửa chữa các hạng mục của hệ thống thủy lợi để sử dụng nước hồi quy trong phạm vi hệ thống thủy lợi với tỷ lệ từ 15% trở lên lượng nước cấp vào hệ thống.

2. Thu gom nước mưa để sử dụng cho sinh hoạt:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, dự trữ vào bể chứa có dung tích từ 500 m³ trở lên để sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các vùng biên giới, hải đảo, vùng khan hiếm nước ngọt;

b) Hộ gia đình, cá nhân xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, dự trữ vào bể chứa có dung tích từ 05 m³ trở lên để sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước ngọt.

3. Khử muối từ nước lợ, nước mặn thành nước ngọt để sử dụng cho mục đích sinh hoạt:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị, áp dụng công nghệ khử muối từ nước lợ, nước mặn thành nước ngọt có quy mô từ 02 m³/ngày đêm trở lên đối với vùng biển, hải đảo, từ 10 m³/ngày đêm trở lên để sử dụng cho mục đích sinh hoạt đối với các vùng bị xâm nhập mặn;

b) Hộ gia đình, cá nhân lắp đặt thiết bị, áp dụng công nghệ khử muối từ nước lợ, nước mặn thành nước ngọt có quy mô từ 0,2 m³/ngày đêm trở lên đối với vùng biển, hải đảo, từ 01 m³/ngày đêm trở lên để sử dụng cho mục đích sinh hoạt đối với các vùng bị xâm nhập mặn để sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

4. Sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm:

a) Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất sản phẩm, thiết bị, công nghệ sử dụng nước tiết kiệm đáp ứng tiêu chí tiết kiệm nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm, thiết bị, công nghệ tiên tiến sử dụng nước tiết kiệm mà trong nước chưa sản xuất được đáp ứng tiêu chí tiết kiệm nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

5. Áp dụng công nghệ, kỹ thuật, biện pháp tưới tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân áp dụng công nghệ, kỹ thuật, biện pháp tưới tiết kiệm nước cho sản xuất nông nghiệp đáp ứng tiêu chí tiết kiệm nước do cơ quan